| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LAI VUNG**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 477/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1989. (có mặt)

HKTT: 364/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 25/2A, ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Tăng Văn T1 - Sinh năm: 1991. (vắng mặt)

HKTT: 364/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 Nguyễn Thị T và Tăng Văn T1 quen biết nhau thông qua mai mối, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn ngày 01/6/2012 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cải vả, anh T1 thường hay uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay Nguyễn Thị T thấy

không còn khả năng đoàn tụ, Nguyễn Thị T nhất quyết yêu cầu được ly hôn với Tăng Văn T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tăng Hữu N, sinh ngày: 28/11/2009 và Tăng Trung H, sinh ngày: 25/02/2018, hiện tại Tăng Hữu N đang do anh Tăng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, Tăng Trung H đang do Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi Tăng Trung H, sinh ngày: 25/02/2018; đồng ý giao Tăng Hữu N, sinh ngày: 28/11/2009 cho anh Tăng Văn T1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản khi ly hôn: Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ khi ly hôn: Nguyễn Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Tăng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa Nguyễn Thị T với Tăng Văn T1, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Tăng Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa Nguyễn Thị T và Tăng Văn T1 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống Nguyễn Thị T và Tăng Văn T1 có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cải, anh T1 thường hay uống rượu, có hành vi bạo lực gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Nguyễn Thị T nhất quyết xin ly hôn. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh Tăng Văn T1, anh T1 biết chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Tăng Văn T1 không đến Tòa án cũng không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn điều đó thể hiện bị đơn tự từ bỏ quyền phản bác của mình. Hội đồng xét xử đã động viên nhưng Nguyễn Thị T

vẫn nhất quyết yêu cầu ly hôn với Tăng Văn T1. Xét thấy mâu thuẫn của Nguyễn Thị T với Tăng Văn T1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Tăng Hữu N, sinh ngày: 28/11/2009 và Tăng Trung H, sinh ngày: 25/02/2018, hiện tại Tăng Hữu N đang do anh Tăng Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, Tăng Trung H đang do Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi Tăng Trung H, sinh ngày: 25/02/2018; đồng ý giao Tăng Hữu N, sinh ngày: 28/11/2009 cho anh Tăng Văn T1 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 đang trực tiếp nuôi con, việc giao con cho ai nuôi phải xem xét điều kiện, nguyện vọng của con; Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 đang trực tiếp nuôi dạy con, có đủ điều kiện nuôi con nên xét thấy yêu cầu của Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản khi ly hôn: Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ khi ly hôn: Nguyễn Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tiền tạm ứng án phí, án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị T. Nguyễn Thị T được ly hôn với Tăng Văn T1.

2. Về con chung:

Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi con tên Tăng Trung H, sinh ngày: 25/02/2018.

Tăng Văn T1 được tiếp tục nuôi con tên Tăng Hữu N, sinh ngày: 28/11/2009.

Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho nhau, không được cản trở Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

3. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015887, ngày 12/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Nguyễn Thị T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2023). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Huyền**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LAI VUNG**
**TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 8 năm 2023.

Tại: Phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Bích H1.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Quang Kim C.

Ông Nguyễn Phát T2.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 136/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T - sinhnăm: 1989. (có mặt)

HKTT: 364/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 25/2A, ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Tăng Văn T1 - Sinh năm: 1991. (vắng mặt)

HKTT: 364/4, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

***Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.***

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị T. Nguyễn Thị T được ly hôn với Tăng Văn T1.

***Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.***

2. Về con chung:

Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi con tên Tăng Trung H, sinh ngày: 25/02/2018.

Tăng Văn T1 được tiếp tục nuôi con tên Tăng Hữu N, sinh ngày: 28/11/2009.

Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho nhau, không được cản trở Nguyễn Thị T, Tăng Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

***Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.***

3. Án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0015887, ngày 12/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Nguyễn Thị T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/8/2023). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.***

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích H1**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Bích Huyền**